

Số: 1867/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm công bố công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC – Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và CV: NN, TH;
- Lưu: VT, NV. ✓



Nguyễn Văn Cao



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1867/QĐ-UBND** ngày **17** tháng 9 năm 2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1		Cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	<p>- Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.</p> <p>- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm</p> <p>- Thông tư số 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công thương hướng dẫn về việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.</p>	Quản lý Chất lượng nông lâm thủy sản	<ol style="list-style-type: none">Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.Chi cục Thú Y.Chi cục Nuôi trồng thủy sản.
2		Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Quyết định số 488/QĐ-SNNPTNT ngày 10/6/2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công trách nhiệm cho các Chi cục thực hiện Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.	Quản lý Chất lượng nông lâm thủy sản	<ol style="list-style-type: none">Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.Chi cục Thú Y.Chi cục Nuôi trồng thủy sản.

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

I. Lĩnh vực: Quản lý chất lượng Nông lâm thủy sản

1. Tên thủ tục: Cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.

2. Trình tự thực hiện:

1./ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh:

- Hoàn thành 01 bộ hồ sơ theo hướng dẫn. Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ của Chi cục (theo từng lĩnh vực).

2./ Đối với các Chi cục:

- Bước 1: Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ. Nếu hồ sơ đầy đủ, chuyển qua bước 2.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra đủ hồ sơ, Chi cục thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở do đơn vị thực hiện.

Trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại, Chi cục phải thành lập đoàn kiểm tra để đi kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Bước 3: Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở nếu đạt yêu cầu.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả:

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, số 37 Phạm Văn Đồng, thành phố Huế (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản).

+ Chi cục Thú Y, 62 Nguyễn Chí Diểu, thành phố Huế (đối với Cơ sở giết mổ gia súc gia cầm).

+ Chi cục Nuôi trồng thủy sản, số 53 Nguyễn Huệ, thành phố Huế (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm).

- Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:

Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

3. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ của Chi cục.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ:

4.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc quyết định thành lập;

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm;

d) Bản sao giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm do cơ quan quản lý nhà nước thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra và cấp giấy theo điều 9 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công thương quy định.

đ) Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe;

e) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với trường hợp cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

5. Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản).

+ Chi cục Thú Y (đối với Cơ sở giết mổ gia súc gia cầm).

+ Chi cục Nuôi trồng thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm).

Cơ quan phối hợp: Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản, Phòng Trồng trọt – Chăn nuôi.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT -BNNPTNT ngày 04/1/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

9. Lệ phí và Phí:

9.1. Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm

(Áp dụng theo Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012; Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 và Thông tư 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Lệ phí	Đơn vị tính	Số tiền (đồng)
1	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:		
	Cấp lần đầu	1 lần cấp	40.000
	Cấp lại (gia hạn)	1 lần cấp	40.000
2	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đơn lẻ theo yêu cầu của khách hàng	1 lần cấp	10.000

TT	Phí	Đơn vị tính	Số tiền (đồng)
1	Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đủ điều kiện an toàn thực phẩm	1 lần/cơ sở	500.000
2	Phí kiểm tra, đánh giá phân loại điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản		
	- Diện tích: ≤ 10 ha	1 lần/cơ sở	750.000
	- Diện tích: > 10 ha	1 lần/cơ sở	1.050.000
3	Phí xác định các chỉ tiêu cảm quan, vật lý, hóa học, vi sinh, phân tích tảo	Theo Phụ lục 3 của Thông tư số 107/2012/TT - BTC ngày 28/6/2012	
4	Phí kiểm tra chất lượng nước nuôi thủy sản	Theo Mục 1, Chương V biểu phí và lệ phí kèm theo Thông tư số 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013	

9.2. Đối với cơ sở giết mổ gia súc gia cầm, sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản khác

(Áp dụng theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính đã ban hành)

TT	Phí	Đơn vị tính	Số tiền
1	Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đủ điều kiện an toàn thực phẩm	1 lần/cơ sở	500.000
2	Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: - Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ - Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng - Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng	1 lần/cơ sở	1.000.000 2.000.000 3.000.000
3	Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: - Cửa hàng bán lẻ thực phẩm - Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm	1 lần/cơ sở	500.000 1.000.000
4	Phí kiểm tra định kỳ: - Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ - Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng - Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng	1 lần/cơ sở	500.000 1.000.000 1.500.000
5	Phí kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	(Theo biểu số 3 Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013).	

<i>TT</i>	<i>Lệ phí</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số tiền</i>
1	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: - Cấp lần đầu - Cấp lại (gia hạn)	1 lần cấp	150.000 150.000
2	Lệ phí cấp phiếu kết quả thử nghiệm an toàn thực phẩm	1 lần cấp/ 1 phiếu	150.000

Ghi chú: Để tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện nay đang gặp nhiều khó khăn, Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản không thu phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận (500.000 đ/lần/cơ sở).

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu quy định tại *Phụ lục II* thuộc Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu quy định tại *Phụ lục III* thuộc Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh phải đạt loại A, B đối với nhóm ngành hàng sản xuất kinh doanh đã được kiểm tra đánh giá xếp loại.

- Có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp Trung ương, cấp tỉnh, *cấp huyện* hoặc phòng đăng ký kinh doanh tại khu kinh tế cấp.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011.

Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông Quy định kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.

Thông tư số 204/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng trong nuôi trồng thủy sản.

Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công thương hướng dẫn về việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Quyết định số 488/QĐ-SNNPTNT ngày 10/6/2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công trách nhiệm cho các Chi cục thực hiện Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

II. Lĩnh vực: Quản lý chất lượng Nông lâm thủy sản

1. Tên thủ tục: Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (đối với Cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp tại Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT)

2. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, công dân chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn dưới đây, nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ của Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Thú y, Chi cục Nuôi trồng thủy sản.

Bước 2: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản, Chi cục Thú y, Chi cục Nuôi trồng thủy sản lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.

Bước 3: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Thú y, Chi cục Nuôi trồng thủy sản kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.

Bước 4: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Thú y, Chi cục Nuôi trồng thủy sản cấp giấy xác nhận cho tổ chức, cá nhân.

Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả:

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, số 37 Phạm Văn Đồng, thành phố Huế (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản).

+ Chi cục Thú y, số 62 Nguyễn Chí Diểu, thành phố Huế (đối với Cơ sở giết mổ gia súc gia cầm).

+ Chi cục Nuôi trồng thủy sản, số 53 Nguyễn Huệ, thành phố Huế (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm).

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:

Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

3. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Thú y, Chi cục Nuôi trồng thủy sản.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ:

4.1. Đối với tổ chức:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT

b) Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại *Phụ lục 04* ban hành kèm theo Thông tư 13/2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

d) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

4.2. Đối với cá nhân:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại *Phụ lục 04* ban hành kèm theo Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT;

b) Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

c) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: không quy định rõ tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản).

+ Chi cục Thú y (đối với Cơ sở giết mổ gia súc gia cầm).

+ Chi cục Nuôi trồng thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm).

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a quy định tại *Phụ lục 04* ban hành kèm theo Thông tư 13/2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT, có hiệu lực 03 năm.

9. Lệ phí: Lệ phí cấp Giấy xác nhận 30.000đ/1 lần cấp/1 chứng nhận.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại *Phụ lục 04* ban hành kèm theo Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại *Phụ lục 04* ban hành kèm theo Thông tư số 13/2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở phải hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề, sản xuất kinh doanh sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo sự phân công tại Thông tư 13/2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014.

- Cơ sở phải có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh do cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện hoặc Phòng Đăng ký kinh doanh tại khu kinh tế cấp.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư 13 /2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Liên Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Bộ Công thương hướng dẫn về việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/1/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011.

Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định số 488/QĐ-SNNPTNT ngày 10/6/2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công trách nhiệm cho các Chi cục thực hiện Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Phụ lục II
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2013/TT-BNNPTNT ngày 04 /01/2013
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định
việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy
sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT
ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:
3. Điện thoạiFax Email.....
4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
5. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:
Đề nghị(tên cơ quan kiểm tra)..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đủ
điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
Lý do cấp lại:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

-
-
-
...

Phụ lục III
BẢN THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT,
TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2013/TT-BNNPTNT ngày 04 /01/2013
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định
việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy
sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT
ngày 02/8/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN THUYẾT MINH
Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax: Email:
4. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước	<input type="checkbox"/>	DN 100% vốn nước ngoài	<input type="checkbox"/>
DN liên doanh với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	DN Cổ phần	<input type="checkbox"/>
DN tư nhân	<input type="checkbox"/>	Khác	<input type="checkbox"/>

 (ghi rõ loại hình)
5. Năm bắt đầu hoạt động:
6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
7. Công suất thiết kế:
8. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
9. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có Không

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp: người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài

Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

“Hàng rào” pháp luật



Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số....., cấp
ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do
..... (*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy
định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận
kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của
.....(*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: * chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn; Bộ Công Thương.



Mẫu số 01b Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức
 (kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của (tên tổ chức))

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện Tổ chức xác nhận
 (Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

